

Bản án số: 26/2018/HS-PT
Ngày: 02-02-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Quốc Chiến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn
Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Nghĩa Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 207/2017/TLPT-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Kim L do có kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Đ đối với bản án hình sự sơ thẩm 47/2017/HS-ST ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Ngô Kim L, sinh năm: 1967. Nơi cư trú: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Ngô Á và bà Phạm Thị Kim A; chồng: Dương Thành Đ và 02 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/01/2017 (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Ông **Dương Thành Đ**, sinh năm: 1965.(Có mặt)

Địa chỉ: ấp Kh, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Thành Đ:

Luật sư **Nguyễn Trần Thụy Quyên** - Văn phòng luật sư Thụy Quyên – Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Người bị hại:

1. Bà **Nguyễn Thị T** - sinh năm: 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Th, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bà **Võ Thị Kim L** - sinh năm: 1967. (Có mặt)
 3. Bà **Thái Thị Mỹ L** - sinh năm: 1960 (Vắng mặt).
 4. Bà **Trương Kim T** - sinh năm: 1968. (Vắng mặt)
 5. Bà **Trần Thị Cẩm Th** - sinh năm: 1949. (Có mặt)
 6. Bà **Cao Ngọc Th** - sinh năm: 1968. (Có mặt)
 7. Bà **Nguyễn Thị X (S)** - sinh năm: 1968. (Vắng mặt)
 8. Bà **Nguyễn Hồng L** - sinh năm: 1972. (Vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
9. Bà **Lưu Kim K** - sinh năm: 1963. (Vắng mặt)
- Địa chỉ: ấp C, xã Th, huyện G, tỉnh Kiên Giang.
10. Bà **Nguyễn Thị Út M** - sinh năm: 1965. (Vắng mặt)
- Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Kim L sinh năm 1967, hộ khẩu thường trú khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2008, Ngô Kim L đã lợi dụng vào các mối quan hệ, uy tín của mình cũng như của chồng là ông Dương Thành Đ để hỏi vay, mượn tiền và vàng của nhiều người dân trên địa bàn huyện G, mục đích để chi xài cá nhân dẫn đến không có khả năng chi trả, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương. Số tiền và vàng đã vay, mượn cụ thể như sau:

1. Vay tiền bà Nguyễn Thị T nhiều lần tổng cộng 270.000.000đ;
2. Vay tiền bà Võ Thị Kim L tổng cộng 57.000.000đ;
3. Vay tiền bà Thái Thị Mỹ L tổng cộng 40.000.000đ;
4. Vay tiền bà Trương Kim T tổng cộng 35.000.000đ;
5. Mượn tiền hụi bà Lưu Kim K tổng cộng 18.000.000đ;
6. Vay vàng bà Trần Thị Cẩm Th 34 chỉ vàng 24k. (*loại 98%*);
7. Vay vàng bà Cao Ngọc Th là 30 chỉ vàng 24k (*loại 98%*);
8. Vay vàng bà Nguyễn Thị X (S) hai lần (lần 1: 10 chỉ vàng 24k, lần 2: 10 chỉ vàng 24k) tổng cộng là 20 chỉ vàng 24k (*loại 98%*);
9. Vay vàng bà Nguyễn Hồng L 10 chỉ vàng 24k (*loại 98%*);
10. Vay vàng bà Nguyễn Thị Út M 01 chỉ vàng 24k (*loại 98%*) và tiền là 1.500.000đ;

Kết luận chứng thư thẩm định giá số 18/TĐG-CT/HĐĐG ngày 03/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Giồng Riềng thì 95 chỉ vàng 24K (loại 98%) có tổng giá trị là 138.814.000đ;

Như vậy thiệt hại trong vụ án Ngô Kim L gây ra là 421.500.00 đồng + 138.814.000 = 560.314.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ đã trả cho bà L số tiền là 40.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bà L, ông Đ trả số tiền là 270.000.000 đồng. Do đó, thiệt hại trong vụ án mà bà L, ông Đ gây ra tiền là 111.500.000đ và 95 chỉ vàng 24kr = 138.814.000đ.

Vật chứng thu giữ được trong vụ án:

- Biên nhận ngày 01/10/2007 bà Ngô Kim L có mượn Út M 01 chỉ vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 20/12/2005 nhằm ngày 20/11/2005 al, bà Ngô Kim L ký nhận mượn của chị Năm L 30.000.000đ;
- Biên nhận ngày 14/02/2006, bà L ký tên nhận mượn của chị Năm L 10.000.000đ;
- Biên nhận ngày 11/6/2015, Thái Thị Mỹ L ký tên nhận số tiền của Dương Thành Đ trả 40.000.000đ;
- Biên nhận ngày 29/02/2007 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn của cô Th 03 cây vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 03/11/2006 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn của chị X 01 cây vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 29/02/2007 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn của chị X vợ anh Nhỏ 01 cây vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 28/12/2007 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn của Tám Th 03 cây 01 chỉ vàng 24kr và ngày 05/02/2008 (âl) thiếu 03 chỉ vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 14/9/2007 (âl), Ngô Kim L mượn của cô Cẩm T vợ chú Q tổng cộng 35.000.000đ;
- Biên nhận ngày 24/12/2007, Ngô Kim L mượn cô T 270.000.000đ;
- Biên nhận ngày 12/4/2006 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn của cô L 15 chỉ vàng 24kr và ngày 30/11/2007 (âl), Ngô Kim L mượn của cô L 05 chỉ vàng 24kr;
- Biên nhận ngày 10/10/2007 (âl), Ngô Kim L ký tên nhận mượn hai chân hui của chị K tổng cộng 18.000.000đ;
- Biên nhận ngày 15/01/2007, có nội dung Ngô Kim L mượn của cô L số tiền 40.000.000đồng và biên nhận ngày 23/10/2007, Ngô Kim L nợ (thiếu) L số tiền 7.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2017/HSST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Ngô Kim L** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Ngô Kim L 05 (năm) năm tù**. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2017.

Về trách nhiệm bồi thường: Xử buộc bị cáo Ngô Kim L và chồng là ông Dương Thành Đ có trách nhiệm trả các khoản nợ cụ thể như sau:

1. Trả cho bà Nguyễn Thị X (S) 20 chỉ Vàng 24k (*loại 98%*)
2. Trả cho bà Cao Ngọc Th 30 chỉ vàng 24k (*loại 98%*)
3. Trả cho bà Nguyễn Hồng La 10 chỉ vàng 24k (*loại 98%*)
4. Trả cho bà bà Võ Thị Kim L số tiền 57.000.000 đồng;
5. Trả cho bà Trương Kim T số tiền 35.000.000đồng;
6. Trả cho bà Lưu Kim K số tiền 18.000.000đ;
7. Trả cho bà Trần Thị Cẩm Th 34 chỉ vàng 24k. (*loại 98%*);
8. Trả cho bà Nguyễn Thị Út M 01 chỉ vàng 24k (*loại 98%*) và tiền là 1.500.000đồng;

Bà Thái Thị Mỹ Lòi và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên tòa án không xem xét.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/11/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Thành Đ có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên, không đồng ý cùng bị cáo trả tiền cho các người bị hại.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Kim L thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã xét xử bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự là đúng tội và không có ý kiến gì.

Ông Dương Thành Đ không đồng ý bản án sơ thẩm đã tuyên, không đồng ý bồi thường cho các người bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo của ông.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Dương Thành Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

**Luật sư bảo vệ cho ông Dương Thành Đ trình bày quan điểm:*

Luật sư hoàn toàn nhất trí với bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Ngô Kim L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tuy nhiên, về phần trách nhiệm

bồi thường luật sư không đồng ý với lý do: Khi chị L vay tiền không hề thông qua anh Đ. Chị L nói vay tiền để trang trải lo cho gia đình nhưng tại phiên tòa chị L trả lời rằng việc làm ăn của chị không có lãi thì không thể nói là lo cho gia đình được. Trong khi đó anh Đ vẫn đưa tiền lương cho chị L và đủ để lo cho gia đình. Việc vay nợ là do một mình chị L xác lập nên chị L phải chịu trách nhiệm trả nợ, ông Dương Thành Đ không đồng ý liên đới trả nợ là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của ông Dương Thành Đ về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của ông Đ.

[2] Về Quyết định của bản án sơ thẩm: Trong khoảng thời gian từ năm 2005 đến năm 2008, bị cáo Ngô Kim L đã hời vay tiền, vàng của nhiều người trên địa bàn huyện Giồng Riềng để chi xài cho mục đích cá nhân, sau đó bỏ trốn khỏi địa phương để chiếm đoạt số tiền trên. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của các người bị hại là 250.314.000. Do đó, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 140 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Về phần trách nhiệm bồi thường, cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Dương Thành Đ là chồng bị cáo phải cùng bị cáo bồi thường cho các người bị hại là có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của ông Đ: Ông Đ kháng cáo không đồng ý bồi thường cho các người bị hại vì việc vay tiền này là do một mình bị cáo, ông hoàn toàn không biết. Xét đơn kháng cáo của ông Dương Thành Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù căn cứ vào các biên nhận có trong hồ sơ vụ án từ bút lục 143 đến bút lục 162 thì việc vay tiền này là do một mình bị cáo Ngô Kim L đứng tên, bị cáo Ngô Kim L cũng thừa nhận sự việc này; tuy nhiên, việc vay nợ của bị cáo L là nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và nuôi hai đứa con ăn học. Theo quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Đ phải liên đới bồi thường là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thành Đ. Do đó, chấp nhận đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Về quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát: Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thành Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về quan điểm của vị luật sư: Luật sư cho rằng việc vay nợ là do một mình bị cáo L xác lập thì bị cáo phải tự chịu trách nhiệm là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; vợ, chồng có quyền thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và vợ, chồng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện đó.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng Quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt và bồi thường dân sự là phù hợp. Vì vậy thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của ông Dương Thành Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự là 300.000 đồng.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Thành Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên

2. Áp dụng: khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự (khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999), khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Ngô Kim L cùng chồng là ông Dương Thành Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho các người bị hại cụ thể như sau:

1. Trả cho bà Nguyễn Thị X (S) 20 chỉ Vàng 24k (loại 98%)
2. Trả cho bà Cao Ngọc Th 30 chỉ vàng 24k (loại 98%)
3. Trả cho bà Nguyễn Hồng L 10 chỉ vàng 24k (loại 98%)
4. Trả cho bà bà Võ Thị Kim L số tiền 57.000.000 đồng;
5. Trả cho bà Trương Kim T số tiền 35.000.000đồng;
6. Trả cho bà Lưu Kim K số tiền 18.000.000đ;
7. Trả cho bà Trần Thị Cẩm Th 34 chỉ vàng 24k. (loại 98%);
8. Trả cho bà Nguyễn Thị Út M 01 chỉ vàng 24k (loại 98%) và tiền là 1.500.000đồng;

Bà Thái Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị T không yêu cầu nên tòa án không xem xét.

Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu tiền số 00816 ngày 16/6/2017.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án hình sự là 300.000 đồng.

Ông Đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008353 ngày 16 tháng 11 năm 2017.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 47/2017/HS-ST ngày 04/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TPHCM.
- TAND cấp cao tại TPHCM.
- VKSND tỉnh.
- Trại tạm giam KG.
- Sở tư pháp
- TAND huyện
- THA huyện
- VKSND huyện
- Bị cáo.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Quốc Chiến